

Hà Nội, ngày 5/4/2018

**BẢN TIN VỤ HÈ THU 2018**  
**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY LỢI CẤP**  
**NƯỚC CHO SẢN XUẤT VỤ HÈ THU**  
**LƯU VỰC SÔNG GIANH - NHẬT LỆ TỈNH QUẢNG BÌNH**

**I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC**

**1. Lượng mưa**

TT	Trạm	Lượng mưa cộng dồn (mm)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo tình hình mưa trong vụ sản xuất (mm)
			Trung bình nhiều năm	Năm 2016	Năm 2017	
	<b>Vùng sông Gianh</b>					
1	Ba Đồn	98,9	-21,6	+27,6	-68,4	381,2
2	Tuyên Hóa	144,9	+03,8	+09,6	-57,7	389,6
3	Đồng Tâm	61,0	-87,0	-51,4	-32,2	401,3
	<b>Trung bình vùng S. Gianh</b>	98,7				392,2
	<b>Vùng Nhật Lệ</b>					
4	Đồng Hới	119,3	-16,1	+27,6	-53,5	377,0
5	Lệ Thủy	80,0	-45,4	+7.900,0	-50,3	566,5
6	Kiến Giang	119,0	-36,3	+2.280,0	-30,8	551,7
	<b>Trung bình vùng Nhật Lệ</b>	106,9				472,9

**Nhận xét:**

Lượng mưa vụ Hè Thu vùng lưu vực sông Gianh ở Quảng Bình so với Trung bình nhiều năm tại Tuyên Hóa có thể thấp hơn 67%, tại Đồng Tâm thấp hơn khoảng 63%, vùng Ba Đồn thấp hơn khoảng 56%; Vùng Nhật Lệ tại Lệ Thủy có thể thấp hơn khoảng 37%, tại Kiến Giang có thể thấp hơn khoảng 47% và tại Đồng Hới khả năng là thấp hơn khoảng 58%; So với cùng kỳ năm 2017, toàn vùng sông Gianh khả năng thấp hơn khoảng từ 65 - 77%; Vùng sông Nhật Lệ có thể thấp hơn khoảng 33-67%.

## 2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

### a) Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi

STT	Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	W trữ hiện tại so với Wtk (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ(%)
				Trung bình nhiều năm	2017	2016		
1	Minh Cầm (Bẹ)	6,10	105,7		-4,2	+51,4	Tăng	100,0
2	Vực Sanh	3,28	78,7		-14,3	+20,0	Tăng	91,7
3	Đồng Ran	5,72	72,9		-16,3	+23,4	Tăng	84,3
4	Vực Nồi	13,60	87,4		-3,5	+75,0	Tăng	76,5
5	Tiên Lang	17,50	74,9		-14,4	+59,6	Tăng	80,6
6	Vực Tròn	52,80	82,7		-15,8	-7,5	Về mực nước chết	0
7	Sông Thai	6,25	93,9		-8,6	-5,5	Tăng	100,0
8	Trung Thuận	4,05	75,6		-7,8	+77,9	Tăng	100,0
9	Thác Chuối	33,36	67,3		-25,8	-29,5	Tăng	77,3
10	Phú Vinh	22,36	90,1		-4,3	+0,2	Tăng	87,2
11	Rào Đá	82,42	39,0		-5,3	+8,4	Tăng	100,0
12	Cầm Ly	42,00	84,1		-4,5	+38,8	Tăng	100,0
13	An Mã	67,84	100,0		+0,3	+11,5	Tăng	60,2
14	Phú Hòa	8,64	77,7		-14,6	-3,2	Tăng	100,0
15	Thanh Sơn	7,34	80,5		+7,8	+2,2	Tăng	100,0
16	Cửa Nghè	0,81	90,1		-9,9	-5,2	Tăng	100,0
	<b>Trung bình</b>		<b>75,4</b>		<b>-8,4</b>	<b>+7,9</b>		<b>73,3</b>

#### Nhận xét:

Hiện tại hầu hết các hồ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình có dung tích đạt từ 70% so với thiết kế. Trong đó, tổng dung tích của 16 hồ chứa tại tỉnh Quảng Bình đạt 75,4% so với thiết kế (có 2 hồ đầy nước hồ An Mã và hồ Minh Cầm; hồ có tỷ lệ trữ thấp so với thiết kế là hồ Rào Đá đạt 39%, hồ Thác Chuối đạt 67,3% )

- Dự báo xu thế nguồn nước cuối vụ Hè Thu năm 2018 tại 16 hồ chứa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình có 15 hồ tăng so với nguồn nước cuối vụ Hè Thu năm 2017 và 1 hồ nguồn nước về mực nước chết..

- Kết quả tính toán cân bằng nước cho thấy đến cuối vụ Hè Thu hầu hết các hồ vẫn còn đạt trên 60% dung tích thiết kế. Có 1 hồ thiếu nước là hồ Vực Tròn chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu nước của vụ Hè thu. Vì vậy nếu như không có mưa bổ sung thì nguy cơ hạn hán sẽ xảy ra trong vụ hè thu năm 2018

## II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH HẠN HẠN

### 1. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi

Tính từ ngày 1/4/2018 cho đến hết vụ Hè thu, nhu cầu nước tại khu tưới của 16 công trình hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Bình khoảng 260,172 triệu m<sup>3</sup>.

Căn cứ theo dung tích hiện tại của các hồ chứa trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, dự báo mưa trong các tháng tiếp theo và nhu cầu sử dụng nước của từng công trình, tính toán cân bằng nước cho từng công trình đã được thực hiện. Kết quả tính toán cho thấy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình có 15 hồ đáp ứng được yêu cầu của vụ Hè thu, còn lại 1 hồ Vực Tròn không đáp ứng được yêu cầu của vụ Hè thu, chỉ đáp ứng được 86% diện tích được giao.

Kết quả tính toán cân bằng nước và dự báo khả năng đáp ứng nguồn nước phục vụ kế hoạch sản xuất vụ Hè thu năm 2018 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình được thể hiện dưới bảng sau:

STT	Tên công trình	Dung tích so với thiết kế (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Hè Thu 2018			Ghi chú
				Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
1	Mình Cầm (Be)	105,7	298,0	100,0	100	298,0	
2	Vực Sanh	78,7	230,0	91,7	100	230,0	
3	Đồng Ran	72,9	260,0	84,3	100	260,0	
4	Vực Nồi	87,4	508,1	76,5	100	508,1	Cấp nước sinh hoạt 0,0090 triệu m <sup>3</sup>
5	Tiên Lang	74,9	720,3	80,6	100	720,3	
6	Vực Tròn	82,7	1402,0	0	86	1200,0	Thiếu nước
7	Sông Thai	93,9	256,6	100,0	100	256,6	
8	Trung Thuận	75,6	199,0	100,0	100	199,0	
9	Thác Chuối	67,3	606	77,3	100	606,0	Cấp nước sinh hoạt 0,882 triệu m <sup>3</sup>
10	Phú Vinh	90,1	490,9	87,2	100	490,9	Cấp nước sinh hoạt 0,557 triệu m <sup>3</sup>
11	Rào Đá	39,0	1827,9	100,0	100	1827,9	
12	Cầm Ly	84,1	514,5	100,0	100	514,5	
13	An Mã	100,0	4237,1	60,2	100	4237,1	
14	Phú Hòa	77,7	225,2	100,0	100	225,2	
15	Thanh Sơn	80,5	67,5	100,0	100	67,5	
16	Cửa Nghè	90,1	70,0	100,0	100	70,0	

## 2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

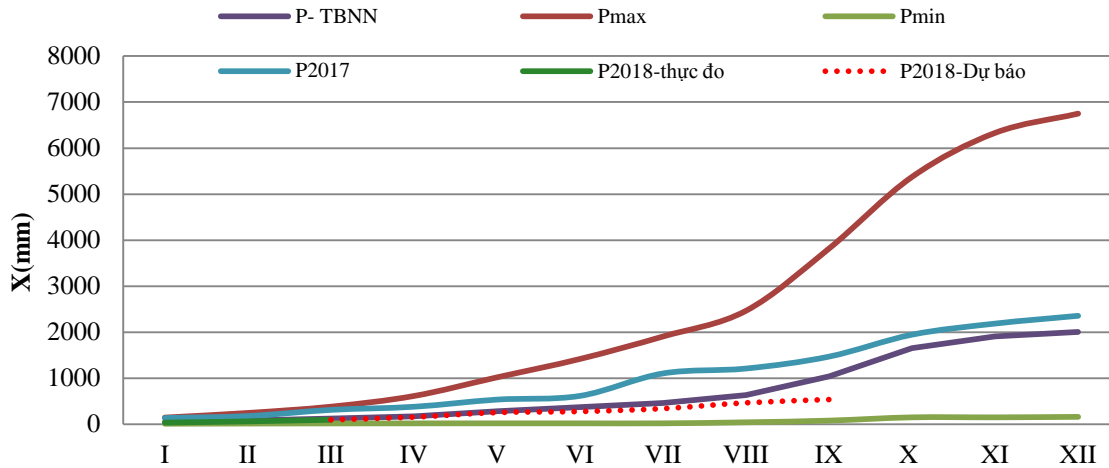
TT	Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
				Năm Min	TBNN	Năm Max	
1	Ba Đồn	H. Quảng Trạch	1574,0	+20,5	-21,1	-48,4	Mức độ rủi ro hạn thấp
2	Tuyên Hóa	H. Quảng Trạch	1515,9	+14,6	-35,9	-60,8	Mức độ rủi ro hạn thấp
3	Đồng Tâm	H. Quảng Trạch	1375,5	-03,3	-44,2	-65,2	Mức độ rủi ro hạn thấp
4	Đồng Hới	Tx. Đồng Hới, H. Lệ Thủy	1620,7	+16,1	-24,9	-50,8	Mức độ rủi ro hạn thấp
5	Lệ Thủy	H. Lệ Thủy, H. Quảng Ninh	1603,9	+14,2	-30,7	-51,3	Mức độ rủi ro hạn thấp
6	Kiến Giang	H. Lệ Thủy	1650,6	-10,9	-37,1	-55,7	Mức độ rủi ro hạn thấp

### Nhận xét:

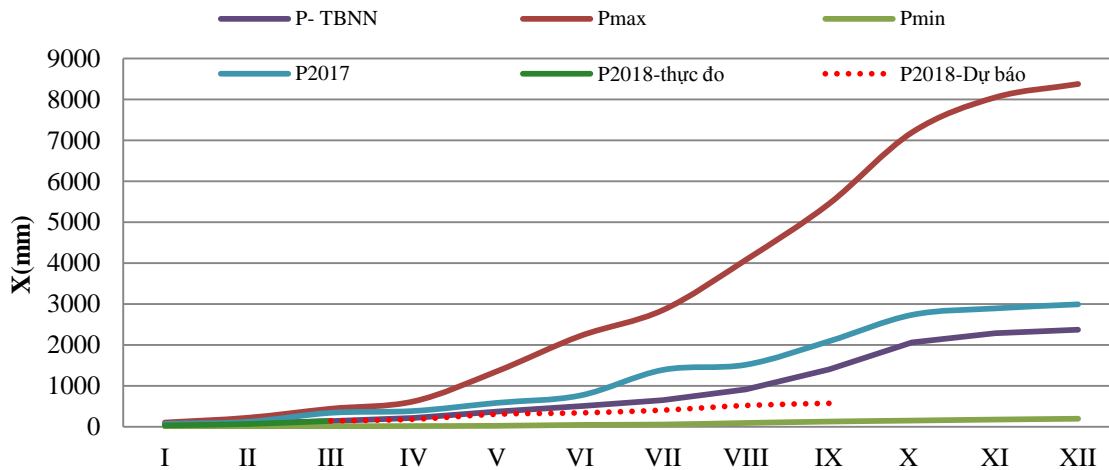
Vùng sông Gianh: Lượng mưa cộng dồn từ đầu năm 2018 tính đến thời điểm hiện tại thấp hơn TBNN (từ 21.6 ÷ 87% so với TBNN) tại Tuyên Hóa lại cao hơn khoảng 10%; So với cùng kỳ năm 2017 thiếu hụt khoảng 32 ÷ 68% nên khả năng lượng nước có thể cung cấp nước ngầm đảm bảo thấp hơn mức trung bình nhiều năm.

Vùng sông Nhật Lệ: Lượng mưa cộng dồn từ đầu năm 2018 tính đến thời điểm hiện tại thấp hơn TBNN (từ 16 ÷ 45% so với TBNN), so với cùng kỳ năm 2017 thiếu hụt khoảng 31 ÷ 53% nên khả năng lượng nước có thể cung cấp nước ngầm đảm bảo thấp hơn mức trung bình nhiều năm.

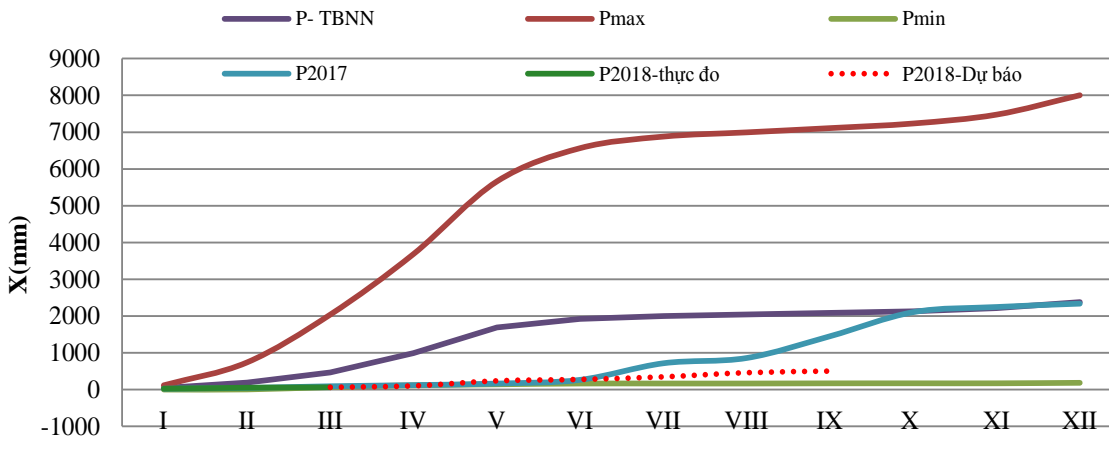
### Diễn biến mưa lũy tích tại trạm Ba Đồn



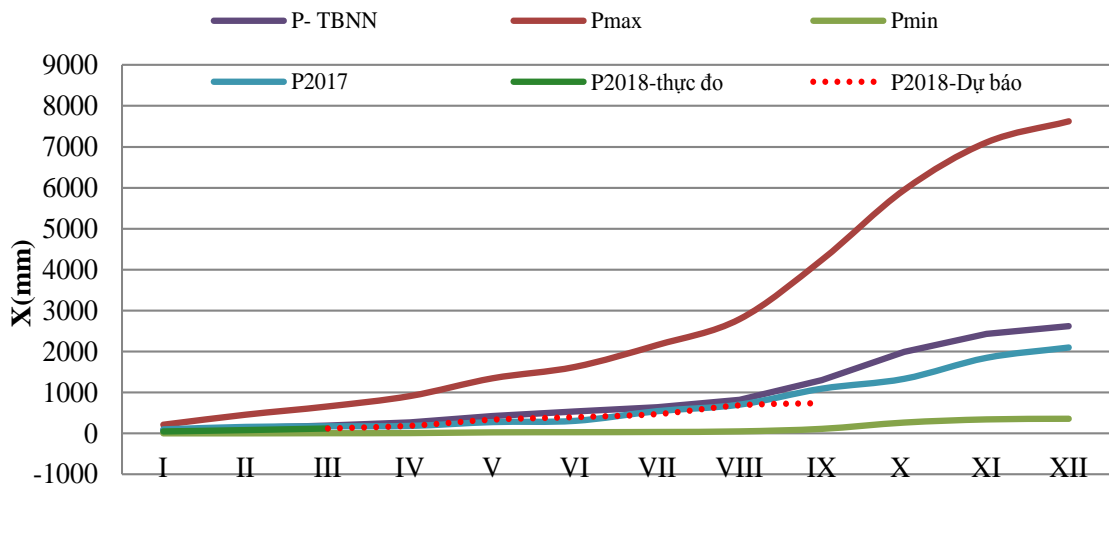
### Diễn biến mưa lũy tích tại trạm Tuyên Hóa



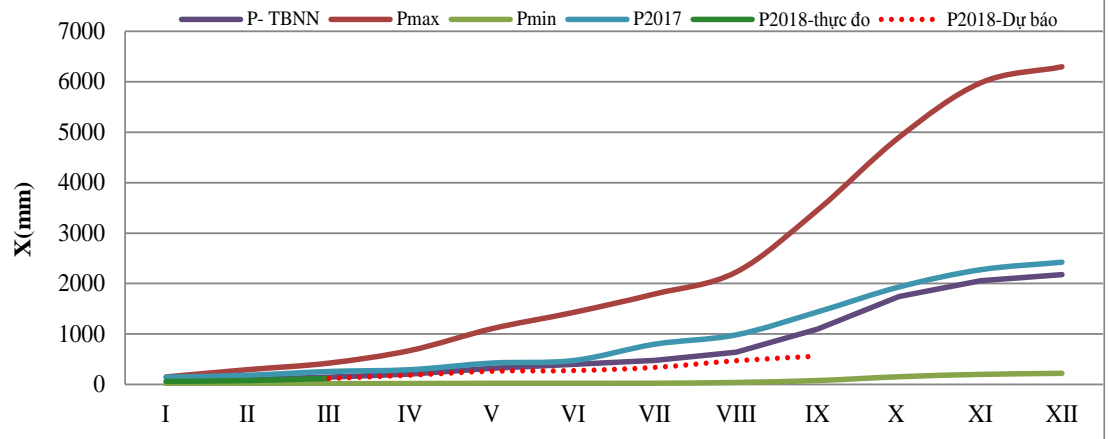
### Diễn biến mưa lũy tích tại trạm Đồng Tâm



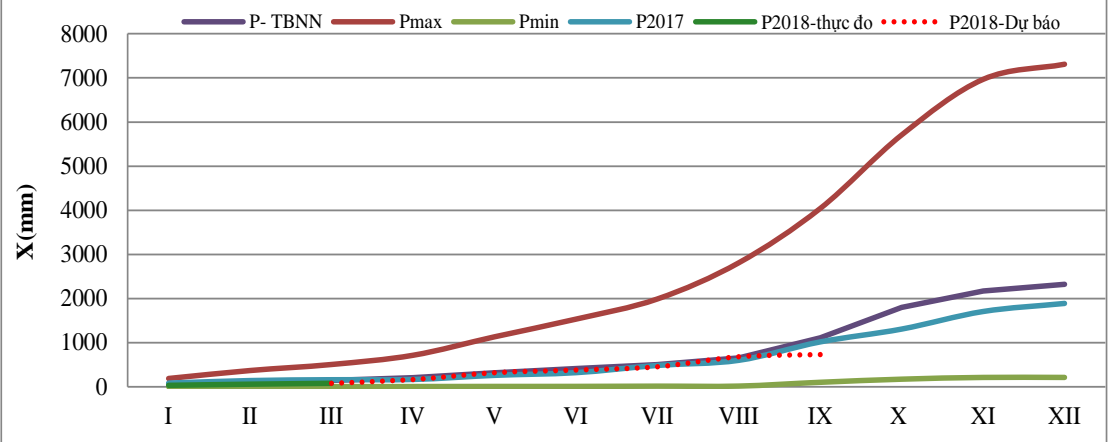
### Diễn biến mưa lũy tích tại trạm Kiến Giang



### Diễn biến mưa lũy tích tại trạm Đồng Hới



### Diễn biến mưa lũy tích tại trạm Lệ Thủy



### **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Căn cứ vào tình hình dự báo nguồn nước và khả năng đáp ứng của các hệ thống thủy lợi trên lưu vực sông Gianh – Nhật Lệ cho thấy:

Vùng lưu vực sông Gianh – Nhật Lệ ở Quảng Bình lượng mưa hầu hết các trạm thấp hơn khoảng trên 50% so với trung bình nhiều năm và thấp hơn khoảng từ 65 - 77% so năm 2017 nên những vùng không sử dụng nước từ các công trình thủy lợi vẫn có nguy cơ xảy ra hạn hán (một số vùng có nguy cơ hạn thuộc huyện Tuyên Hoá, Minh Hoá, Lệ Thủy....).

Vì vậy trong thời gian tới đề nghị các địa phương cập nhật diễn biến thời tiết và các bản tin dự báo để có kế hoạch sản xuất và phương án chống hạn hiệu quả trong vụ hè thu.

**Bản tin tiếp theo sẽ được phát hành vào ngày 20/4/2018**